

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2007/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 3 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định
về Quy trình, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Đầu tư; Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 21/8/2006 của Chính phủ về Đăng ký kinh doanh;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 52 /TTr-SHĐT ngày 22/01/2007, Văn bản số 04/BC-STP ngày 11/01/2007 của Sở Tư pháp về việc đề nghị ban hành quy định về Quy trình, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quy định về quy trình, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành, UBND các địa phương và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Thương mại - Du lịch, Thủ trưởng các Sở, ngành có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Xuân Huế**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUI ĐỊNH

Về Quy trình, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 08/2007/QĐ-UBND ngày 14/3/2007
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng

1. Đối tượng áp dụng: Các Nhà đầu tư có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Đầu tư 2005 và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư.

2. Phạm vi áp dụng: Quy định này quy định về thủ tục, hồ sơ và quy trình xử lý hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Đầu tư năm 2005, nằm ngoài phạm vi của Khu kinh tế Dung Quất và ngoài phạm vi các Khu công nghiệp của tỉnh.

Điều 2. Cơ quan đầu mối và các đơn vị phối hợp

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối, chịu trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đăng ký đầu tư, chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan để xử lý về mặt thủ tục của các dự án đầu tư theo quy định này; tổng hợp các ý kiến tham gia của các cơ quan phối hợp, trình UBND tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ (đối với các dự án phải có sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ) hoặc quyết định việc cấp, không cấp Giấy chứng nhận đầu tư, kể cả các yêu cầu về điều chỉnh, bổ sung hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư.

2. Các Sở quản lý chuyên ngành kinh tế kỹ thuật, các tổ chức chuyên môn, UBND các cấp huyện, thành phố, xã, phường có liên quan là các đơn vị phối hợp, chịu trách nhiệm xử lý các vấn đề thuộc chức năng và thẩm quyền quản lý nhà nước về chuyên môn hoặc địa bàn quản lý xuất phát từ yêu cầu của các Dự án đầu tư theo Quy định này.

3. Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ dự án, tính chính xác của nội dung hồ sơ do mình lập và đăng ký với Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 3. Tính ưu tiên trong việc xử lý hồ sơ dự án đầu tư

Hồ sơ hợp lệ của các Dự án đầu tư theo qui định này được ưu tiên xử lý về mặt thời gian so với các nhiệm vụ thông thường khác cùng thời điểm của các đơn vị có liên quan, để đảm bảo xử lý đúng thời hạn các thủ tục, hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư.

Chương II**HỒ SƠ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ****Điều 4. Đối với dự án đầu tư trong nước, có qui mô vốn đầu tư dưới 15 tỉ đồng và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện**

Nhà đầu tư không phải lập hồ sơ đăng ký đầu tư. Trường hợp Nhà đầu tư có yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc xác nhận ưu đãi đầu tư thì lập hồ sơ đăng ký đầu tư theo Điều 5 Quy định này.

Điều 5. Đối với dự án đầu tư trong nước, có qui mô vốn đầu tư từ 15 tỉ đồng đến dưới 300 tỉ đồng và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện

Nhà đầu tư phải lập Bản đăng ký đầu tư theo mẫu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành kèm theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 (sau đây gọi tắt là theo mẫu qui định), đăng ký với Sở Kế hoạch và Đầu tư trước khi thực hiện dự án đầu tư.

Trường hợp Nhà đầu tư có yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đầu tư thì Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ vào Bản đăng ký đầu tư để trình UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 6. Đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài có qui mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện

Nhà đầu tư phải lập hồ sơ đăng ký để cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

1. Hồ sơ đăng ký đầu tư gồm:

- Văn bản đăng ký đầu tư (theo mẫu qui định);
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh;
- Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư lập và chịu trách nhiệm).

2. Trường hợp dự án đầu tư gắn với việc thành lập tổ chức kinh tế, ngoài hồ sơ đăng ký đầu tư trên đây, Nhà đầu tư chuẩn bị thêm hồ sơ đăng ký kinh doanh như sau:

- Hồ sơ đăng ký kinh doanh tương ứng với mỗi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan;

- Hợp đồng liên doanh đối với hình thức đầu tư thành lập tổ chức kinh tế liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

Điều 7. Đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 300 tỷ đồng Việt Nam trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện

Nhà đầu tư phải lập hồ sơ đăng ký để thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

1. Hồ sơ đăng ký thẩm tra gồm:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu qui định);

- Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của nhà đầu tư: bản sao quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác đối với nhà đầu tư là tổ chức; bản sao hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân đối với nhà đầu tư là cá nhân;

- Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư lập và chịu trách nhiệm);

- Giải trình kinh tế - kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu: mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư; vốn đầu tư; tiến độ thực hiện dự án; nhu cầu sử dụng đất; giải pháp về công nghệ và giải pháp về môi trường;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh.

2. Trường hợp dự án đầu tư gắn với việc thành lập tổ chức kinh tế, ngoài hồ sơ đăng ký đầu tư trên đây, Nhà đầu tư chuẩn bị thêm hồ sơ đăng ký kinh doanh như qui định tại khoản 2 Điều 6 Qui định này.

Điều 8. Đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng Việt Nam và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

Nhà đầu tư phải lập hồ sơ đăng ký để thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Hồ sơ đăng ký thẩm tra gồm:

- Hồ sơ quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 6 Qui định này;

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

Điều 9. Đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 300 tỷ đồng Việt Nam trở lên và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện

Nhà đầu tư phải lập hồ sơ đăng ký để thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Hồ

sơ đăng ký thẩm tra gồm:

- Hồ sơ quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 7 Quy định này;
- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

Điều 10. Đối với các dự án đầu tư có sử dụng vốn nhà nước

1. Các dự án đầu tư có sử dụng vốn nhà nước gồm: Vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước, vốn đầu tư của Tổng công ty Đầu tư kinh doanh vốn nhà nước, Chủ đầu tư phải trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định chấp thuận sử dụng vốn nhà nước trước khi lập hồ sơ đăng ký đầu tư theo quy định này.

2. Hồ sơ trình thẩm định việc sử dụng vốn nhà nước gồm:

- Văn bản đề nghị sử dụng vốn nhà nước của chủ đầu tư gửi cơ quan thẩm định tương ứng với từng nguồn vốn quy định tại khoản 1 Điều này.

- Bản giải trình về đề nghị sử dụng vốn nhà nước để đầu tư, gồm các nội dung chính sau:

- + Tên dự án;
- + Mục tiêu, quy mô đầu tư của dự án;
- + Địa điểm thực hiện dự án đầu tư;
- + Vốn đầu tư; nguồn vốn đầu tư; phần vốn nhà nước tham gia vào dự án;
- + Thuyết minh về sự phù hợp của dự án với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thuyết minh về sự phù hợp trong việc sử dụng nguồn vốn đầu tư;
- + Hiệu quả đầu tư, bao gồm hiệu quả tài chính và hiệu quả kinh tế - xã hội;
- + Thuyết minh về khả năng thu hồi vốn đầu tư, khả năng hoàn trả vốn vay và phương án hoàn trả vốn vay (nếu có);
- + Thời hạn của dự án đầu tư;
- + Tiến độ thực hiện dự án đầu tư.

3. Sau khi được cơ quan có thẩm quyền thẩm định và chấp thuận sử dụng vốn nhà nước để đầu tư, tùy theo từng dự án đầu tư, chủ đầu tư lập thủ tục đăng ký đầu tư theo quy định này để được cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Văn bản chấp thuận việc sử dụng vốn nhà nước để đầu tư của cơ quan có thẩm quyền đối với từng nguồn vốn nhà nước là tài liệu bắt buộc phải có trong hồ sơ đăng ký đầu tư.

Chương III
QUY TRÌNH
XỬ LÝ HỒ SƠ, TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Điều 11. Đối với các dự án đầu tư phải có ý kiến chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (các dự án theo qui định tại Điều 37 của Nghị định số 108/2006/NĐ-CP)

1. Nhà đầu tư nộp 10 bộ hồ sơ dự án đầu tư tại Sở Kế hoạch và Đầu tư, trong đó ít nhất có 1 bộ hồ sơ gốc.

2. Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm tra của các Bộ, ngành liên quan.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư biết để sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan được hỏi có ý kiến thẩm tra bằng văn bản và chịu trách nhiệm về những vấn đề của dự án thuộc chức năng quản lý của mình.

4. Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm tra để UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ quyết định về chủ trương đầu tư.

5. Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo thẩm tra trình Thủ tướng Chính phủ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Chính phủ thông báo bằng văn bản ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về dự án đầu tư.

6. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

7. Trường hợp dự án đầu tư không được chấp thuận, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do.

8. Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư sao gửi Giấy chứng nhận đầu tư đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Thương mại, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ quản lý ngành và các cơ quan có liên quan.

Điều 12. Đối với dự án đầu tư thuộc diện đăng ký cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo qui định tại Điều 5 và Điều 6 Qui định này

1. Nhà đầu tư nộp cho Sở Kế hoạch và Đầu tư 05 bộ hồ sơ dự án đầu tư, trong đó có 1 bộ hồ sơ gốc.

2. Trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm tra của Sở, ngành liên quan;

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư biết để sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan được hỏi có ý kiến thẩm tra bằng văn bản và chịu trách nhiệm về những vấn đề của dự án thuộc chức năng quản lý của mình.

4. Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các đơn vị liên quan hoặc kể từ ngày hết thời hạn tham gia ý kiến, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm tra, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm tra, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Trường hợp dự án đầu tư không được chấp thuận, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do.

5. Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư sao gửi Giấy chứng nhận đầu tư đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Thương mại, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ quản lý ngành và các cơ quan có liên quan.

Điều 13. Đối với dự án đầu tư thuộc diện thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo qui định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Qui định này

1. Nhà đầu tư nộp cho Sở Kế hoạch và Đầu tư 08 bộ hồ sơ dự án đầu tư, trong đó có 1 bộ hồ sơ gốc.

2. Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm tra của sở, ngành liên quan; trường hợp cần thiết thì gửi hồ sơ lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư biết để sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ

quan được hỏi có ý kiến thẩm tra bằng văn bản và chịu trách nhiệm về những vấn đề của dự án thuộc chức năng quản lý của mình.

4. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ ý kiến thẩm định của các đơn vị có liên quan hoặc kể từ khi hết thời hạn tham gia ý kiến, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm tra, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm tra, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Trường hợp dự án đầu tư không được chấp thuận, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do.

5. Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư sao gửi Giấy chứng nhận đầu tư đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Thương mại, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ quản lý ngành và các cơ quan có liên quan.

Điều 14. Đối với dự án đầu tư có sử dụng vốn nhà nước

1. Qui trình chấp thuận sử dụng vốn Nhà nước:

Tùy theo nguồn vốn Nhà nước có sử dụng trong dự án đầu tư, Nhà đầu tư gửi hồ sơ dự án đến cơ quan có thẩm quyền sau đây để được thẩm định và chấp thuận việc sử dụng vốn Nhà nước trong dự án:

- Đối với trường hợp dự án có sử dụng vốn ngân sách nhà nước do UBND tỉnh quản lý:

+ Đối với nguồn vốn ngân sách cho đầu tư phát triển: Nhà đầu tư gửi 05 bộ hồ sơ dự án đến Sở Kế hoạch và Đầu tư, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan của tỉnh thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, chấp thuận hoặc không chấp thuận sử dụng vốn ngân sách Nhà nước.

+ Đối với nguồn vốn ngân sách cho sự nghiệp: Nhà đầu tư gửi 05 bộ hồ sơ dự án đến Sở Tài chính, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc. Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan của tỉnh thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, chấp thuận hoặc không chấp thuận sử dụng vốn ngân sách Nhà nước.

- Đối với vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn tín dụng thuộc danh mục được Nhà nước bảo lãnh: Nhà đầu tư gửi 05 bộ hồ sơ dự án đến Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Quảng Ngãi để được thẩm định và quyết định việc sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

- Đối với vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp Nhà nước: Chủ đầu tư gửi hồ sơ dự án đến cấp có thẩm quyền hoặc người có thẩm quyền để được thẩm định và quyết

định đối với việc sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước để đầu tư.

- Đối với vốn Nhà nước của Tổng công ty Đầu tư kinh doanh vốn nhà nước: Chủ đầu tư gửi hồ sơ dự án đến Tổng công ty Đầu tư kinh doanh vốn nhà nước để được thẩm định và quyết định việc sử dụng vốn Nhà nước.

2. Qui trình cấp Giấy chứng nhận đầu tư: tùy theo từng dự án đầu tư, Qui trình xử lý hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đầu tư sẽ được thực hiện theo các qui định tại Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Qui định này.

Chương IV

CƠ CHẾ PHỐI HỢP VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN

Điều 15. Cơ chế phối hợp

- Việc trao đổi thông tin phối hợp, chuyển giao hồ sơ tài liệu dự án và tiếp nhận văn bản góp ý kiến giữa cơ quan đầu mối với UBND tỉnh và giữa cơ quan đầu mối với các cơ quan có chức năng chuyên môn của tỉnh, UBND huyện, thành phố và ngược lại được thực hiện bằng cách chuyển trực tiếp, có sổ giao nhận tài liệu, không chuyển qua đường Bưu điện để rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ dự án.

- Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phối hợp phải có ý kiến bằng văn bản trong thời hạn được UBND tỉnh qui định tại Điều 12 và Điều 13 Qui định này và gửi về cơ quan đầu mối. Trong trường hợp hết thời hạn tham gia ý kiến mà cơ quan, đơn vị nào không có ý kiến tham gia bằng văn bản, cơ quan đầu mối được phép xem như cơ quan, đơn vị đó đã thống nhất với hồ sơ, dự án và cơ quan được hỏi ý kiến phải chịu trách nhiệm về những vấn đề liên quan của dự án trong các lĩnh vực hoặc địa bàn do mình phụ trách (nếu có).

- Đối với những cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thẩm định và quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định phần vốn Nhà nước trong các dự án đầu tư nêu tại Điều 14 Qui định này, phải có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc sử dụng vốn Nhà nước trong dự án để Nhà đầu tư hoàn chỉnh bộ hồ sơ dự án đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 16. Trách nhiệm của Cơ quan đầu mối

1. Cơ quan đầu mối chủ trì, tổ chức phối hợp lấy ý kiến của các Bộ, ngành và các cơ quan có liên quan của tỉnh để xử lý các vấn đề của dự án đầu tư theo Qui định này; Thay mặt UBND tỉnh để yêu cầu các cơ quan, đơn vị có liên quan của tỉnh xử lý

các yêu cầu về thủ tục của dự án đầu tư để đảm bảo tính pháp lý và đảm bảo thời gian trình cấp Chứng nhận đầu tư theo qui định.

2. Tổng hợp các ý kiến của các Bộ, ngành và cơ quan có liên quan của tỉnh về hồ sơ dự án, tổ chức cuộc họp tư vấn (trong trường hợp cần thiết), lập báo cáo thẩm tra trình UBND tỉnh báo cáo Thủ tướng hoặc xem xét, quyết định đối với các dự án đầu tư theo Qui định này.

3. Tiếp nhận các yêu cầu, đề nghị của Nhà đầu tư trong quá trình triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn, phối hợp với các Đơn vị liên quan để xử lý, trình UBND tỉnh quyết định và trả lời cho Nhà đầu tư.

Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Tham gia ý kiến về sự phù hợp của dự án đối với Qui hoạch sử dụng đất, tính hợp lý của diện tích đất sử dụng cho dự án.

- Tham gia ý kiến về các vấn đề liên quan đến đất đai, bồi thường giải phóng mặt bằng, quản lý tài nguyên và môi trường của các dự án đầu tư có sử dụng đất, sử dụng tài nguyên và các dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

- Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường của các dự án đầu tư theo Qui định này.

2. Sở Xây dựng

- Tham gia ý kiến về sự phù hợp của dự án đối với Qui hoạch chung, Qui hoạch xây dựng.

- Tham gia ý kiến về các vấn đề liên quan đến quản lý nhà nước về xây dựng của các dự án đầu tư có công trình xây dựng và dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về xây dựng liên quan đến hoạt động đầu tư.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Tham gia ý kiến về các vấn đề liên quan đến khoa học, công nghệ của các dự án đầu tư có sử dụng thiết bị, công nghệ và dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

- Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về về khoa học và công nghệ liên quan đến hoạt động đầu tư.

4. Sở Tài chính

- Tham gia ý kiến về sử dụng vốn Nhà nước đối với các dự án đầu tư có sử dụng vốn ngân sách Nhà nước.

- Tổ chức thẩm định và phê duyệt hoặc trình UBND tỉnh phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của các dự án đầu tư (nếu có).

- Tham gia ý kiến về các vấn đề liên quan đến tài chính, bảo lãnh về tài chính đối với dự án đầu tư (nếu có) và dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

- Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài chính, kế toán, thuế liên quan đến hoạt động đầu tư.

5. Sở Thương mại và Du lịch

- Tham gia ý kiến về các vấn đề liên quan đến hoạt động thương mại-du lịch của dự án đầu tư có hoạt động thương mại-du lịch và dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện;

- Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về thương mại-du lịch liên quan đến hoạt động đầu tư.

6. Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Quảng Ngãi:

Thẩm định và quyết định việc sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước trong các dự án đầu tư có đề nghị sử dụng nguồn vốn này.

7. Các Sở quản lý chuyên ngành, các địa phương có liên quan.

- Các Sở quản lý chuyên ngành, các tổ chức chuyên môn, UBND các huyện, thành phố, thị trấn, xã, phường có liên quan chịu trách nhiệm xử lý hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý những vấn đề liên quan đến các Dự án đầu tư theo Quy định này thuộc trách nhiệm, phạm vi quản lý của đơn vị khi có đề nghị của cơ quan đầu mối.

- Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm xử lý, trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ (đối với trường hợp dự án phải có ý kiến chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ); quyết định cấp hoặc không cấp Giấy chứng nhận đầu tư khi có văn bản đề nghị của cơ quan đầu mối theo Quy định này.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Xử lý vi phạm

1. Cơ quan đầu mối, các Sở quản lý chuyên ngành, các tổ chức chuyên môn, UBND các huyện, thành phố, thị trấn, xã, phường nơi có dự án đầu tư triển khai

không được đặt ra các thủ tục, các khoản phí hoặc lệ phí trái với quy định Nhà nước hoặc nêu yêu sách đóng góp kinh phí cho đơn vị, địa phương như là một điều kiện để giải quyết các công việc liên quan đến việc triển khai dự án đối với các Nhà đầu tư.

2. Các cơ quan Nhà nước, các cán bộ được giao nhiệm vụ trực tiếp xử lý những vấn đề có liên quan đến các dự án đầu tư không thực hiện đầy đủ trách nhiệm được giao, gây ảnh hưởng bất lợi cho các hoạt động đầu tư vào tỉnh, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Thủ trưởng các đơn vị phải chịu trách nhiệm về những hành vi sai phạm (nếu có) của các cán bộ thuộc quyền quản lý của đơn vị mình trong quá trình tham gia xử lý các vấn đề có liên quan đến các dự án đầu tư theo quy định này.

Điều 19. Các vấn đề khác có liên quan đến triển khai các dự án đầu tư hoặc đăng ký lại theo quy định của Luật Đầu tư năm 2005, không được đề cập trong Quy định này sẽ được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 20.

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm chủ trì, tổ chức phối hợp với các cơ quan, đơn vị, UBND các địa phương có liên quan triển khai Quy định này.

2. Các cơ quan, đơn vị, UBND các địa phương có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm phối hợp thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện có vấn đề phát sinh hoặc chưa phù hợp, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh để kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Huế